



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

---

# THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG VI/2019



HÀ NỘI, THÁNG VII/2019

## LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: [son.nguyenhong@imh.ac.vn](mailto:son.nguyenhong@imh.ac.vn);

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VI/2019 .....	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ .....	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ .....	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên .....	10
9. Vùng Nam Bộ.....	11
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VI/2019 .....	12
1. Đối với cây lúa .....	13
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp .....	15
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VII, VIII, IX/2019.....	16
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ .....	17
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	17

## I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VI/2019

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng VI/2019 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ( $-0,2^{\circ}\text{C}$  đến  $2,2^{\circ}\text{C}$ ) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ  $-188,4\text{mm}$  đến  $678\text{mm}$  (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ  $-83$  giờ đến  $71$  giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ  $-13\%$  đến  $8\%$ ).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng VI/2019 ở từng vùng của nước ta như sau:

### 1. Vùng Tây Bắc

#### 1.1. Diễn biến nhiệt độ

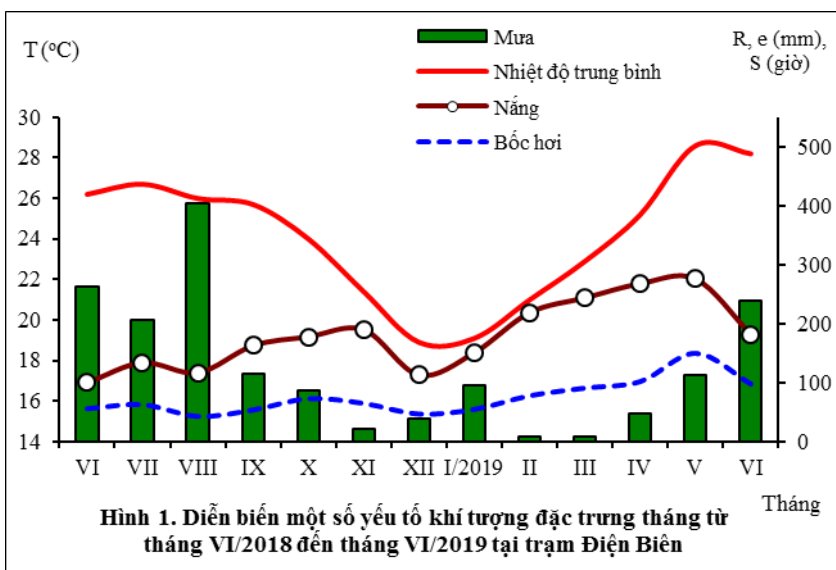
- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ  $0,4$  đến  $2,2^{\circ}\text{C}$ ; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ  $20,9^{\circ}\text{C}$  đến  $29,9^{\circ}\text{C}$  (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ  $19,1^{\circ}\text{C}$  đến  $26,5^{\circ}\text{C}$ , giá trị thấp nhất là  $17,8^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 7/VI tại Sơn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ  $24,3^{\circ}\text{C}$  đến  $35,3^{\circ}\text{C}$ , giá trị cao nhất là  $41,0^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 04/VI tại Hòa Bình. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

#### 1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VI/2019 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN ( $-171\text{mm}$  đến  $150\text{mm}$ ). Giá trị tổng lượng mưa tháng



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI/2018 đến tháng VI/2019 tại trạm Điện Biên

phổ biến dao động trong khoảng từ 92mm đến 558mm, cao nhất là 638mm tại Tam Đường.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 22mm đến 94mm, cao nhất là 152mm vào ngày 27/VI tại Tam Đường.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 14 đến 26 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 8 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 22 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

### ***1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng***

- Số giờ nắng tháng VI/2019 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -54 giờ đến 30 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 77 giờ đến 162 giờ, cao nhất là 181 giờ (Hòa Bình) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VI/2019 dao động từ 68% đến 89%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -13% đến -3%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 27% xảy ra vào ngày 5/VI tại Yên Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng VI/2019 có giá trị phổ biến từ 35mm đến 125mm, cao nhất là 140mm tại Cò Nòi. Lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-579mm đến -20mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 4 - 8mm.

### ***1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt***

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 11 ngày, trong đó một số nơi có 1 đến 5 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 3 đến 20 ngày.

## **2. Vùng Việt Bắc**

### ***2.1. Diễn biến nhiệt độ***

- Nền nhiệt độ không khí tháng VI/2019 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,5<sup>0</sup>C đến 2,0<sup>0</sup>C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

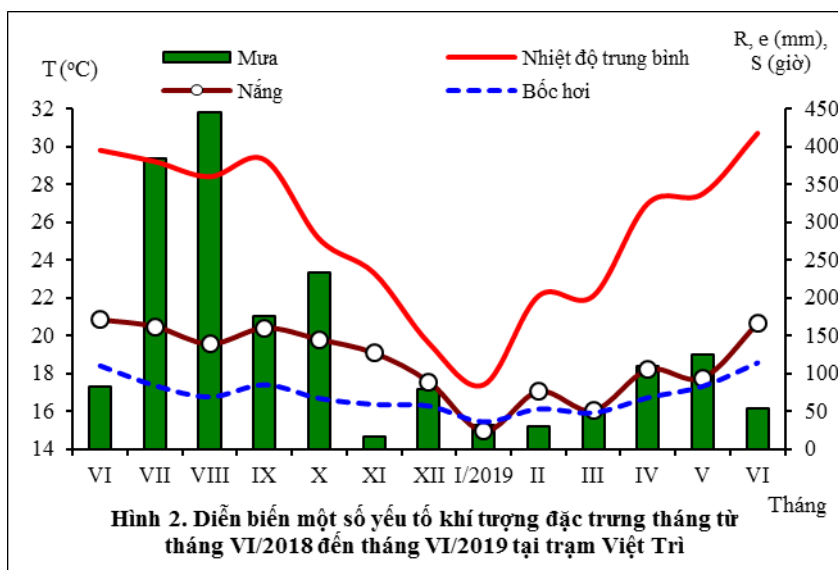
- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 20,6<sup>0</sup>C đến 30,1<sup>0</sup>C

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 18,7<sup>0</sup>C đến 27,2<sup>0</sup>C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 16,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 7/VI tại Sa Pa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 23,5<sup>0</sup>C đến 34,8<sup>0</sup>C, nhiệt độ không khí cao nhất là 41,4<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 3/VI tại Vĩnh Yên.

## 2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 131mm đến 537mm, cao nhất là 1579mm tại Bắc Quang; tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-137mm đến 678mm). Diễn biến của tổng lượng



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI/2018 đến tháng VI/2019 tại trạm Việt Trì

mưa tháng ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 30mm đến 155mm, cao nhất là 242mm xảy ra vào ngày 15/VI tại Bắc Quang. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 14 - 26 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 22 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 11 ngày.

## 2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2019 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 88 giờ đến 141 giờ, cao nhất là 151 giờ (Than Uyên), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-59 giờ đến -10 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VI/2019 phổ biến từ 79 đến 88%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-7% đến -2%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 31%, xảy ra vào ngày 3/VI tại Than Uyên.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 47mm đến 112mm, cao nhất là 122mm tại Lào Cai, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-1513mm đến -58mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 5mm đến 10mm.

## 2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 7 ngày, một số nơi có từ 1 đến 4 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 4 đến 21 ngày.

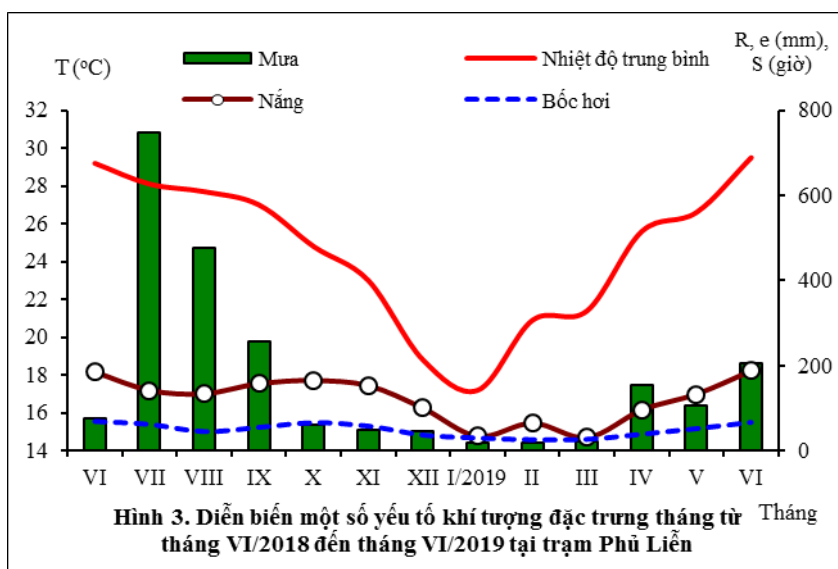
### 3. Vùng Đông Bắc

#### 3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,3 đến 1,2<sup>0</sup>C); có giá trị dao động từ 26,0<sup>0</sup>C đến 30,1<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 30,2<sup>0</sup>C đến 34,4<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 41,3<sup>0</sup>C xảy ra vào các ngày 04/VI tại Hữu Lũng.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 23,6<sup>0</sup>C đến 26,9<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,3<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 7/VI tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Lễn được thể hiện trên hình 3.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI/2018 đến tháng VI/2019 tại trạm Phù Lễn

#### 3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng VI/2019 dao động phổ biến từ 109mm đến 392mm, cao nhất là 510mm tại Móng Cái, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-110mm đến 177mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 25 đến 106mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 14 - 22 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 12 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 6 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Lễn) ở hình 3.

#### 3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng VI/2019 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-83 giờ đến -10 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 68 giờ đến 149 giờ, cao nhất là 161 giờ tại Móng Cái.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VI/2019 ở các nơi dao động phổ biến từ 76 đến 90%, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -5% đến 5%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 33% xảy ra vào ngày 3/VI tại Bắc Ninh.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 36mm đến 96mm, lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-369mm đến -19mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 4 - 9mm (hình 14).

### 3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 6 ngày, trong đó có 1 đến 5 ngày có cường độ mạnh;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 11 đến 21 ngày.

## 4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

### 4.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 29,5<sup>0</sup>C đến 30,8<sup>0</sup>C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,7<sup>0</sup>C đến 2,2<sup>0</sup>C) (hình 10);

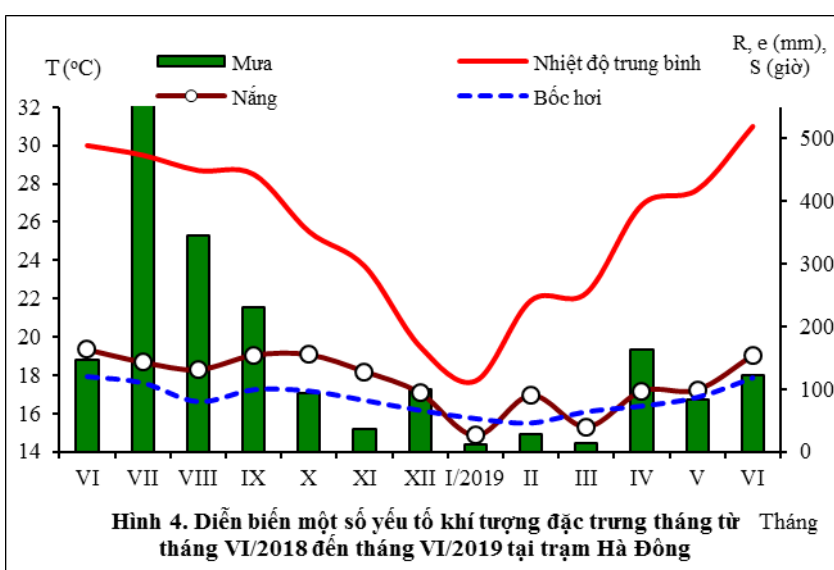
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,9<sup>0</sup>C đến 35,0<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 42,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 4/VI tại Hà Đông;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 26,4<sup>0</sup>C đến 28,0<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 7/VI tại Sơn Tây. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

### 4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-175mm đến 58mm, hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 156mm đến 278mm, thấp nhất là 78mm tại Nho Quan.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 19 đến 97mm, cao nhất là 120mm xảy ra vào ngày 7/VI tại Văn Lý; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 10 đến 18 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 9 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 13 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI/2018 đến tháng VI/2019 tại trạm Hà Đông

hiện trên hình 4.

#### 4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2019 ở các nơi trong vùng dao động từ 123 giờ đến 172 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -63 giờ đến -24 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 75% đến 85%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-8% đến -3%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 33% xảy ra vào ngày 3/VI tại Sơn Tây.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 80mm đến 126mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 5 đến 13mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa tháng từ -183mm đến 36mm.

#### 4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày từ 5 đến 7 ngày, trong đó một số nơi có 1 đến 5 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 7 đến 18 ngày.

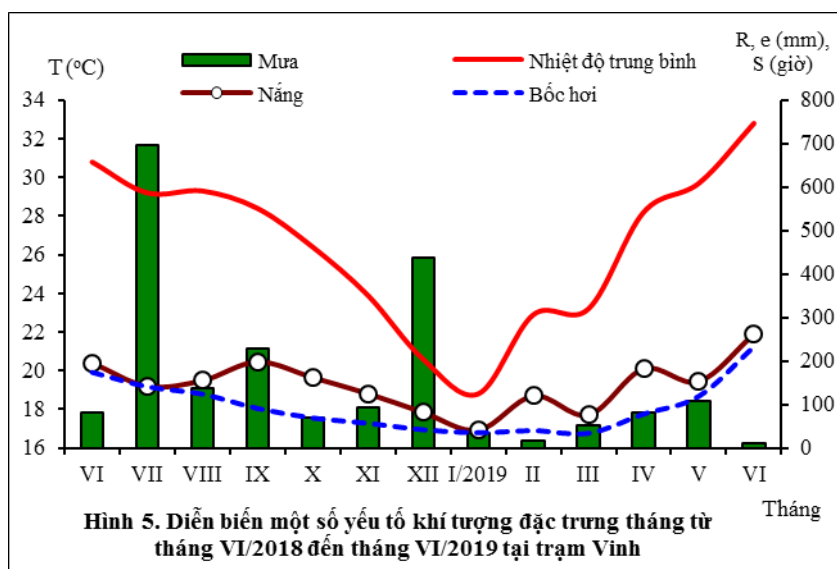
### 5. Vùng Bắc Trung Bộ

#### 5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ  $0,8^{\circ}\text{C}$  đến  $1,7^{\circ}\text{C}$  (hình 10) và có giá trị từ  $28,5^{\circ}\text{C}$  đến  $30,9^{\circ}\text{C}$ .

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ  $32,1^{\circ}\text{C}$  đến  $35,7^{\circ}\text{C}$ , giá trị nhiệt độ cao nhất là  $40,5^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 04/VI tại Hội Xuân.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ  $25,2^{\circ}\text{C}$  đến  $28,3^{\circ}\text{C}$ , giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là  $23,2^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 25/VI tại Quỳnh Hợp. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI/2018 đến tháng VI/2019 tại trạm Vinh

## **5.2. Diễn biến về mưa**

- Trong tháng VI/2019, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 12mm đến 192mm, cao nhất là 266mm tại Hội Xuân. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-132mm đến 17mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 7 đến 72mm, cao nhất là 94mm, xảy ra vào ngày 7/VI tại Hội Xuân.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 - 19 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 7 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 11 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

## **5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng**

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 158 đến 250 giờ; tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -23 giờ đến 27 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 71% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-5% đến 5%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 38% xảy ra vào ngày 4/VI tại Hội Xuân.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 68mm đến 183mm; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 5 - 13mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-198mm đến 143mm).

## **5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt**

- Gió tây khô nóng xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 5 đến 14 ngày; nhiều nơi trong đó có từ 1 đến 5 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 7 đến 21 ngày.

# **6. Vùng Trung Trung Bộ**

## **6.1. Diễn biến nhiệt độ**

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2019 từ 26,0<sup>0</sup>C đến 30,9<sup>0</sup>C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,2<sup>0</sup>C đến 1,6<sup>0</sup>C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,9<sup>0</sup>C đến 36,2<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 39,6<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 4/VI tại Tam Kỳ.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,1<sup>0</sup>C đến 28,2<sup>0</sup>C, giá

trị nhiệt độ thấp nhất là 20,3<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 25/VI tại A Lưới.

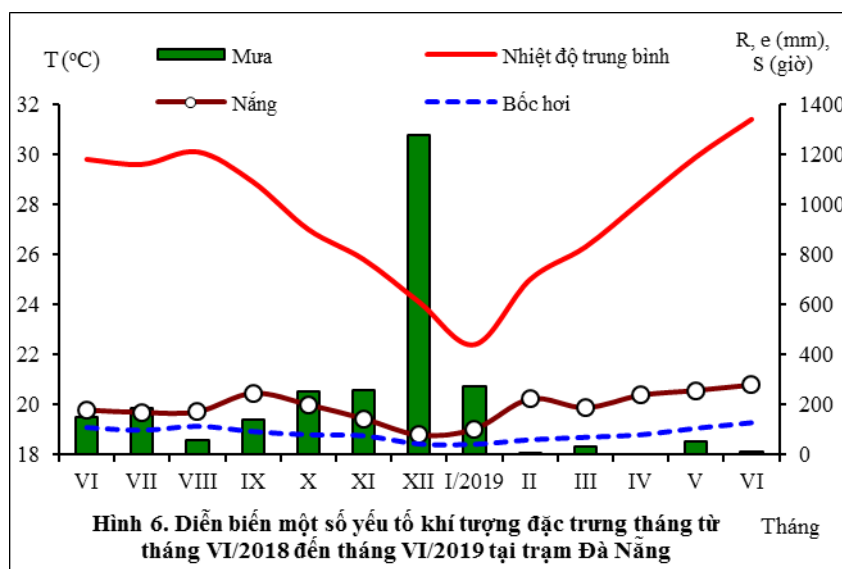
## 6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng VI/2019 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 34mm đến 312mm, cao nhất là 370mm tại Trà My. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-126mm đến 99mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ

biến từ 19 đến 92mm, cao nhất là 97mm xảy ra vào ngày 8/VI tại Tuyên Hóa.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 4 đến 20 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 14 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 16 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng trên hình 6.



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI/2018 đến tháng VI/2019 tại trạm Đà Nẵng

## 6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 172 giờ đến 2886 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (10 giờ đến 62 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 71% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -45% đến 3%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 40% xảy ra vào ngày 4/VI tại Nam Đông.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 53mm đến 170mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 10mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-317mm đến 120mm).

## 6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 3 đến 15 ngày, nhiều nơi có từ 1 đến 3 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 4 đến 19 ngày.

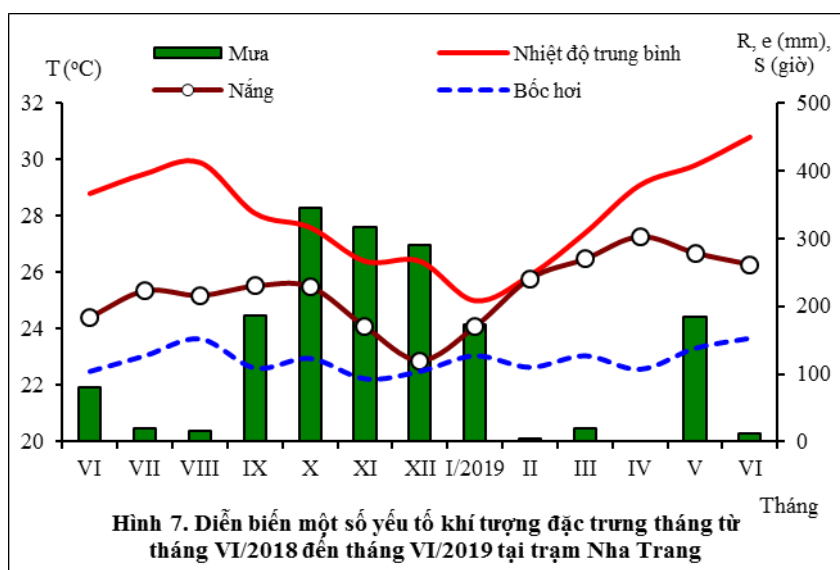
## 7. Vùng Nam Trung Bộ

### 7.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2019 từ 28,3<sup>0</sup>C đến 30,6<sup>0</sup>C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,5 đến 1,1<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,5<sup>0</sup>C đến 35,2<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 38,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 3/VI tại Hoài Nhơn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 25,6<sup>0</sup>C đến 28,3<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,0<sup>0</sup>C, xảy ra vào ngày 21/VI tại Phan Thiết. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang được thể hiện trên hình 7.



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI/2018 đến tháng VI/2019 tại trạm Nha Trang

### 7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VI/2019, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 21mm đến 73mm, cao nhất là 123mm tại Hoài Nhơn. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -76mm đến -10mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 13mm đến 42mm, cao nhất là 67mm, xảy ra vào ngày 9/VI tại Hoài Nhơn.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 3 đến 15 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 4 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 4 đến 14 ngày.

### 7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2019 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 222 giờ đến 304 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (30 giờ đến 71 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 73% đến 85%, phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 39% xảy ra vào

ngày 20/VI tại Quy Nhơn.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 78mm đến 139mm, cao nhất là 142mm tại Quy Nhơn. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 9mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (9mm đến 121mm).

#### 7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 13 ngày, với 1 đến 3 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 7 ngày.

### 8. Vùng Tây Nguyên

#### 8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2019 từ  $20,3^{\circ}\text{C}$  đến  $28,7^{\circ}\text{C}$ ; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ  $0,9^{\circ}\text{C}$  đến  $1,7^{\circ}\text{C}$  (hình 10).

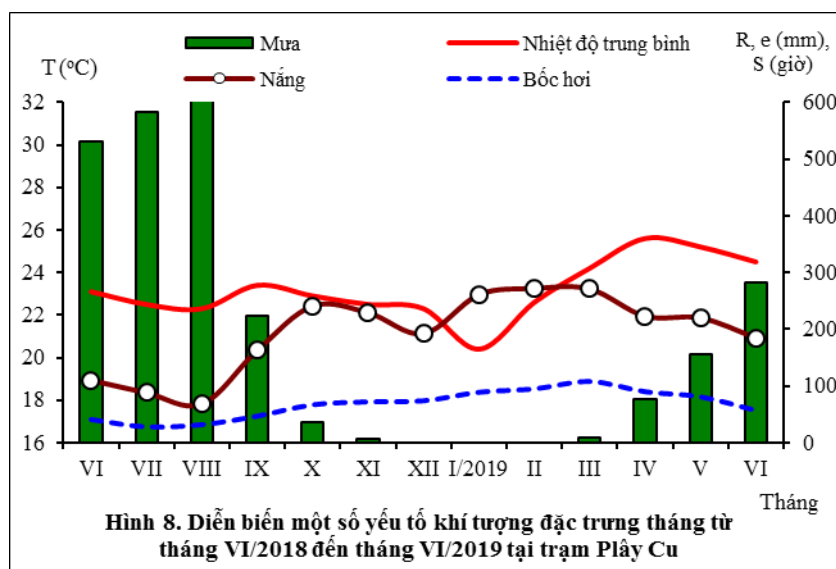
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ  $24,8^{\circ}\text{C}$  đến  $33,5^{\circ}\text{C}$ ; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là  $35,9^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 21/VI tại An Khê.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ  $17,5^{\circ}\text{C}$  đến  $25,1^{\circ}\text{C}$ , giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là  $16,3^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 25/VI tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

#### 8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VI/2019 dao động từ 57mm đến 242mm, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -188mm đến -33mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 13mm đến 91mm. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 9 đến 21 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 9 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 9 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI/2018 đến tháng VI/2019 tại trạm Plây Cu

8.

### 8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2019 phổ biến từ 132 giờ đến 275 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (16 giờ đến 65 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -5% đến 8% (hình 13), có giá trị phổ biến từ 78% đến 89%; độ ẩm không khí thấp nhất là 46% xảy ra vào ngày 21/VI tại An Khê.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 38mm đến 116mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 7mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng thấp hơn giá trị lượng mưa (-174mm đến -61mm).

### 8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện 1 ngày tại Ayunpa, với cường độ nhẹ;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 3 đến 13 ngày.

## 9. Vùng Nam Bộ

### 9.1. Diễn biến nhiệt độ

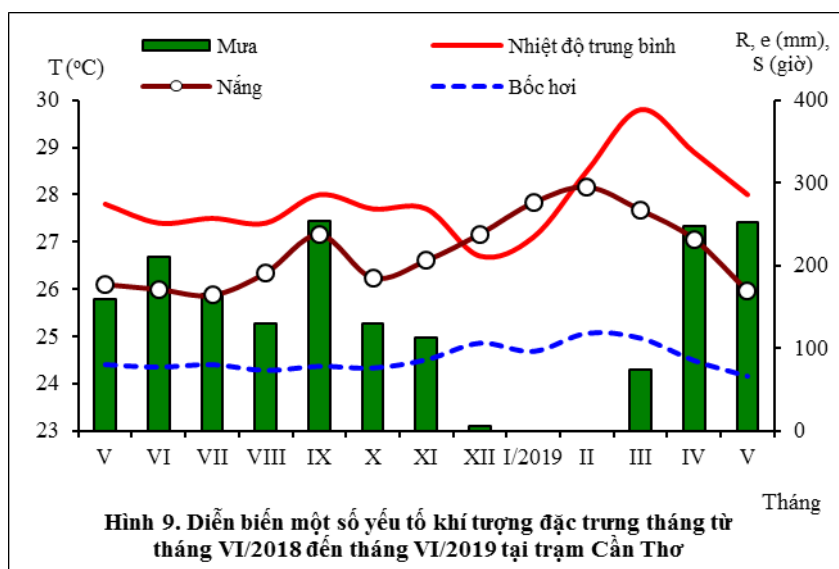
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2019 từ 26,9<sup>0</sup>C đến 29,2<sup>0</sup>C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,3<sup>0</sup>C đến 1,6<sup>0</sup>C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,0<sup>0</sup>C đến 34,2<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 36,8<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 16/VI tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,0<sup>0</sup>C đến 26,8<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 14/VI tại Xuân Lộc. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng tại trạm Cần Thơ.

### 9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VI/2019 dao động phổ biến từ 94mm đến 418mm. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-175mm



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI/2018 đến tháng VI/2019 tại trạm Cần Thơ

đến 148mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 23mm đến 145mm.
- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 15 đến 24 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 12 ngày.

### ***9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng***

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2019 phổ biến từ 146 giờ đến 219 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-20 giờ đến 50 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 76% đến 88%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc giao động xung quanh giá trị TBNN từ 6% đến 3% (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 43% xảy ra vào ngày 01/VI tại Tân Sơn Nhất.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 40mm đến 104mm (hình 14); lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 1 đến 5mm; lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-302mm đến -16mm).

### ***9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt***

- Gió tây khô nóng xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 8 ngày, với cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 5 đến 22 ngày.

## **II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VI/2019**

Điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng nhìn chung thuận lợi với nhiệt độ cao; mưa và nắng trên các vùng dao động xấp xỉ giá trị trung bình nhiều năm.

Trong tháng, sản xuất nông nghiệp miền Bắc chủ yếu tập trung vào thu hoạch lúa đông xuân. Các địa phương miền Nam đã thu hoạch xong lúa đông xuân và đang tập trung xuống giống lúa hè thu.

Sản xuất nông nghiệp tháng Sáu tập trung chủ yếu vào thu hoạch lúa Đông xuân ở các địa phương phía Bắc; thu hoạch lúa, hoa màu vụ Đông xuân và gieo trồng lúa Hè thu ở các địa phương phía Nam.

Tính đến hết tháng 6, cả nước đã gieo cấy được 5.327,6 nghìn ha lúa, giảm 1,1% so với cùng kỳ; thu hoạch được 3.400 nghìn ha, bằng 104,0% cùng kỳ năm ngoái. Ước năng suất lúa bình quân trên diện tích thu hoạch đạt 65,4 tạ/ha giảm 0,6 tạ/ha; sản lượng ước đạt 22,2 triệu tấn, tăng 659 nghìn tấn so với

cùng kỳ năm 2018 (Do tiến độ thu hoạch lúa Hè thu nhanh hơn cùng kỳ năm ngoái 72%), đạt mục tiêu kế hoạch quý đề ra.

- *Các địa phương phía Bắc*, đã gieo cấy được 1.459 nghìn ha (1116,1 nghìn ha lúa Đông xuân và 343 nghìn ha lúa Hè thu, Mùa), bằng 100,3% cùng kỳ; thu hoạch được 1112,1 nghìn ha, năng suất ước đạt 63,8 tạ/ha, sản lượng ước đạt 7,09 triệu tấn, giảm gần 140 nghìn tấn so với cùng kỳ.

- *Các địa phương phía Nam* gieo cấy được 3.868,7 nghìn ha (2000,4 nghìn ha lúa Đông xuân, 1790,8 nghìn ha lúa Hè thu và 81,8 nghìn ha lúa Mùa), bằng 99,1% so với cùng kỳ; thu hoạch được 2287,5 nghìn ha (2000,4 ha lúa Đông xuân và 287,1 ha lúa Hè thu), năng suất ước đạt 66,9 tạ/ha, sản lượng ước đạt 15,1 triệu tấn, tăng gần 800 nghìn tấn so với cùng kỳ năm trước.

## 1. Đối với cây lúa

+ **Lúa Đông xuân:** Năm nay sinh trưởng và phát triển tốt do đầu vụ gieo cấy thời tiết thuận lợi, cây lúa sớm bén rễ và đẻ nhánh, đồng thời tình hình chuột hại và sâu bệnh đã được chủ động phòng trừ. Theo kết quả tổng hợp sơ bộ từ các địa phương: Diện tích gieo cấy lúa Đông xuân cả nước đạt 3.116,4 nghìn ha, bằng 100,5% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 1.116 nghìn ha, bằng 98,9%; các địa phương phía Nam đạt 2.000,4 nghìn ha, bằng 101,3%. Do được gieo trồng sớm nên tính đến thời điểm báo cáo, các địa phương trên cả nước 2 cơ bản đã hoàn thành công tác thu hoạch. Sơ bộ năng suất lúa Đông xuân cả nước năm 2019 ước đạt 66 tạ/ha, sản lượng đạt 20,6 triệu tấn.

*Miền Bắc:* Các địa phương phía Bắc đã gieo cấy đạt 1.116 ngàn ha, đạt 98,9% so với cùng kỳ năm trước, năng suất lúa Đông xuân ước đạt 63,7 tạ/ha, giảm 0,3 tạ/ha, tương đương giảm 0,5% so cùng kỳ; sản lượng ước đạt gần 7,1 triệu tấn, bằng 98,1% cùng kỳ. Trong đó, tại vùng Đồng bằng sông Hồng, diện tích đạt 516 nghìn ha, bằng 98,4% cùng kỳ; năng suất đạt 66,3 tạ/ha, bằng 99,2%; sản lượng đạt 3,42 triệu tấn, bằng 97,6% cùng kỳ.

*Miền Nam:* Tổng diện tích xuống giống lúa Đông xuân đạt khoảng 2000,4 ngàn ha, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước; năng suất bình quân ước đạt 66,9 tạ/ha, giảm 0,8 tạ/ha; sản lượng ước đạt 13,47 triệu tấn, tăng 0,1 triệu tấn. Riêng tại vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), diện tích xuống giống lúa Đông xuân năm nay đạt 1.605,2 nghìn ha, tăng 31,7 nghìn ha so cùng kỳ; năng suất đạt 68,3 tạ/ha, giảm 0,6 tạ/ha; sản lượng đạt 10,97 triệu tấn, tăng 0,14 triệu tấn so cùng kỳ. Diện tích lúa vụ Đông xuân vùng Đồng bằng sông Cửu Long tăng chủ yếu tại Cà Mau do cơ cấu lại mùa vụ gieo trồng cho phù hợp với tình hình địa phương. Năng suất lúa Đông xuân vùng Đồng bằng sông Cửu Long giảm do ảnh hưởng của nắng nóng với cường độ lớn và kéo dài trong nhiều ngày liên tục, gây tác động tiêu cực đến sự sinh trưởng của cây lúa. Mặt khác, lúa trổ sớm hơn lịch bón phân đón đòng của nông dân nên lúa không được tăng cường dinh dưỡng kịp thời dẫn đến năng suất giảm ở hầu hết

**+ Lúa vụ hè thu:**

Tính đến cuối tháng, cả nước gieo trồng đạt 1958 ngàn ha lúa Hè thu, bằng 96,3% cùng kỳ năm ngoái, diện tích thu hoạch đạt 287,1 nghìn ha bằng 172,1% cùng kỳ.

*Miền Bắc:* Các địa phương phía Bắc đã gieo cấy đạt 167,1 ngàn ha, đạt 108,2% so với cùng kỳ năm trước, diện tích lúa hè thu các tỉnh miền Bắc đang ở giai đoạn đẻ nhánh đến chắc xanh.

*Miền Nam:* Các địa phương phía Nam đã gieo cấy đạt 1791 ngàn ha, bằng 95,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vùng ĐBSCL đạt 1.536 nghìn ha, bằng 95,7% cùng kỳ. Mặc dù vụ lúa Đông xuân thu hoạch sớm, thời gian chuẩn bị đất cho vụ hè thu nhiều nhưng do thời tiết nắng nóng kéo dài, một số địa phương không đủ nước nên dự đoán kết quả sản xuất lúa hè thu khó đạt kế hoạch đề ra. Đến thời điểm báo cáo, lúa hè thu chính vụ các tỉnh miền Nam vào giai đoạn đẻ nhánh, làm đồng đến trở chín, cây lúa sinh trưởng và phát triển tương đối tốt, một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã cho thu hoạch, diện tích thu hoạch đạt 287 nghìn ha, bằng 172% so với cùng kỳ năm ngoái, sản lượng ước trên diện tích thu hoạch đạt 1,68 triệu tấn.

**+ Lúa mùa:** Ngay sau khi gặt lúa Đông xuân, nhiều địa phương đã triển khai gieo trồng lúa Mùa, lúa nương. Tính đến cuối tháng cả nước đã gieo trồng được 253,3 ngàn ha, tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Bắc (175,8 ngàn ha).

**Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng VI/2019**

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn lá thật thứ nhất	Khá	TB	
2		Điện Biên	Lúa mùa lá thứ 3	TB	3cm	
3		Văn Chấn	Lúa mùa bén rễ hồi xanh, đẻ nhánh	TB	3cm	
4		Tuyên Quang	Lúa xuân hè lá thứ 3	TB	Quá ẩm	
5	Đông Bắc	Uông Bí				
6		Lạng Sơn	Lúa xuân trở bông	TB	3cm	
7			Ngô	TB	TB	
8		Bắc Giang				
9	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	chè lớn nảy chồi	TB	TB	
10		Ba Vì	Chè lớn búp hái	TB	TB	Phồng lá 51-60%
11	Đồng bằng	Hà Đông	Lúa mùa lá thứ 3	TB	3cm	
13		Hưng Yên	Lúa mùa mọc mầm	Khá	Quá ẩm	

14	Sông Hồng	Nam Định	Lúa mùa lá thứ 3, thứ 5	Khá	3cm		
15		Ninh Bình	Lúa mùa lá thứ 3	TB	Quá ẩm		
16		Hải Dương	Chuyển vụ				
17		Thái Bình	Lúa mùa mọc mầm	Khá	Quá ẩm		
18	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Đậu tương lá kép thứ 3, mọc mầm	TB	TB		
			Lạc lá thật thứ 3	TB	TB		
Thanh Hoá		Lúa mùa đẻ nhánh	TB	3cm			
Quỳnh Lưu		Lúa hè thu đẻ nhánh	TB	10cm			
21		Đô Lương	lúa hè thu đẻ nhánh	TB	3cm		
22		Trung Trung Bộ	Huế				
23	Nam Trung Bộ	Tuy Hoà	Lúa hè thu lá thứ 3	Khá	3cm		
24		An Nhơn	Lúa hè thu mọc đống	Khá	4cm		
25	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê hình thành quả	Tốt	TB		
26	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	Quá ẩm		
27		Trà Nóc	Lúa hè mọc mầm	Khá	ẩm		
28		Mỹ Tho	Lúa hè thu đẻ nhánh	TB	3cm		
29		Bạc Liêu	Lúa hè thu đẻ nhánh	TB, Khá	Quá ẩm		

## 2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Thời tiết trong tháng cũng khá thuận lợi cho các cây lâu năm và các cây trồng hàng năm khác.

*Vụ Đông xuân:* Diện tích ngô ước đạt 558,7 nghìn ha (tăng 0,1%), sản lượng đạt 1,92 triệu tấn (giảm 1,04%); diện tích khoai lang đạt 79,6 nghìn ha (giảm 1,2%), sản lượng đạt 728,4 nghìn tấn (tăng 0,3%); diện tích lạc đạt 137,8 nghìn ha (giảm 4,0%), sản lượng đạt 332,4 nghìn tấn (giảm 4,1%); diện tích đậu tương đạt 23,8 nghìn ha (giảm 2,5%), sản lượng đạt 30,4 nghìn (giảm 3,2%). Diện tích rau, đậu các loại ước đạt 663,7 nghìn ha, tăng 1,7%, sản lượng khoảng 9,39 triệu tấn, tăng 3,63%.

*Vụ Đông xuân + vụ Hè thu/mùa:* Tính đến ngày 15/6, cả nước đã gieo trồng đạt 1,2 triệu ha cây màu lương thực, giảm 3,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích ngô ước đạt 716,8 nghìn ha, bằng 96,5% cùng kỳ; khoai lang đạt 85,2 nghìn ha, bằng 98,43%; sắn đạt 360 nghìn ha, bằng 95,3% cùng kỳ năm trước. Diện tích gieo trồng đậu tương đạt 24,8 ngàn ha, bằng 99,6%; lạc đạt 145,5 ngàn ha, bằng 94,9%; Diện tích rau, đậu các loại đạt 663,7 ngàn ha, tăng 1,7% cùng kỳ năm trước.

*Cây lâu năm*: Tổng diện tích cây lâu năm hiện có ước đạt 3.504,1 nghìn ha, tăng 2,9% so cùng kỳ năm 2018. Trong đó, nhóm cây ăn quả đạt 1.008,6 nghìn ha, tăng 8,3%; nhóm cây lấy dầu đạt 176,9 nghìn ha, tăng 3,7%; nhóm cây công nghiệp đạt 2.211,2 nghìn ha, giảm 0,1%; nhóm cây gia vị dược liệu đạt 48,5 nghìn ha, giảm 5,2%; các nhóm cây lâu năm khác đạt 58,9 nghìn ha, tăng 56,2%.

Chè lớn lá thật thứ nhất, sinh trưởng khá ở Mộc Châu. Chè lớn ở Phú Hộ đang nảy chồi, sinh trưởng trung bình, đất ẩm trung bình. Chè ở Ba Vì ở giai đoạn lớn búp hái, sinh trưởng trung bình, bị phòng lá 51-60%.

Cà phê trong giai đoạn hình thành quả, sinh trưởng tốt ở Tây Nguyên trên đất ẩm trung bình; sinh trưởng trung bình ở Xuân Lộc; nền đất quá ẩm.

### **3. Tình hình sâu bệnh**

- *Rầy hại lúa*: Diện tích nhiễm 2.840 ha, nhiễm nặng 03 ha, diện tích phòng trừ 306 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- *Bệnh VLLXL*: Nhiễm 55 ha tập trung tại huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, trên trà lúa đồng – trở, xuất hiện chủ yếu trên giống IR50404.

- *Bệnh đạo ôn*

+ *Bệnh đạo ôn hại lá*: Diện tích nhiễm 19.281 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

+ *Bệnh đạo ôn cổ bông*: Diện tích nhiễm 2.043 ha. Tập trung các tỉnh phía Nam.

- *Bệnh khô vằn*: Diện tích nhiễm 2.046 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Bắc.

- *Bệnh đen lép hạt*: Diện tích nhiễm 12.197 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- *Bệnh bạc lá*: Diện tích nhiễm 2.365 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- *Sâu cuốn lá nhỏ*: Diện tích 6.429 ha. Tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

- *Chuột*: Diện tích hại 4.216 ha. Phân bố nhiều ở các tỉnh phía Bắc Trung bộ và Nam bộ

## **III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VII, VIII, IX/2019**

### **3.1. Nhiệt độ**

Kết quả dự báo mùa 3 tháng VII, VIII, IX năm 2019 cho thấy, trong mùa 3 tháng VII-IX, nhiệt độ có khả năng từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở hầu hết diện tích canh tác, với xác suất từ 55 đến trên 77%. Chuẩn sai nhiệt độ được dự báo phổ biến từ 0,5 đến trên 1,5oC

### **3.2. Lượng mưa**

Trong ba tháng tới, Lượng mưa mùa VII-IX năm 2019 có khả năng từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN trên phần lớn khu vực Bắc Bộ và Nam Bộ với xác suất 44 đến trên 77%; từ thấp hơn đến xấp xỉ TBNN ở hầu hết Tây Nguyên và thấp hơn TBNN ở phần lớn Bắc-Trung Trung Bộ với xác suất từ 44 đến trên 77%. Chuẩn sai TLM mùa phổ biến từ dưới -200 đến 200mm.

### **3.3. Một số hiện tượng cực đoan**

- Hoạt động của XTND: Số lượng XTND hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng đến đất liền nước ta có khả năng thấp hơn TBNN. Bão tập trung chủ yếu vào cuối mùa (khoảng tháng IX đến tháng XI) và ảnh hưởng nhiều hơn đến khu vực Trung Bộ.

- Nắng nóng: Trong các tháng mùa hè năm 2019, nắng nóng được nhận định gay gắt hơn ở Bắc Bộ và Trung Bộ; số ngày nắng nóng được nhận định cao hơn TBNN. Cao điểm nắng nóng ở Bắc Bộ và Trung Bộ vào tháng VII/2019.

- Điều kiện khô/hạn: Điều kiện khô hạn khu vực Trung Bộ tiếp tục kéo dài đến cuối tháng VIII/2019; cao điểm hạn hán là vào tháng VII/2019. Mùa khô hạn năm 2019/2020 ở Tây Nguyên và Nam Bộ đến sớm hơn TBNN.

## **IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng VI và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng VII/2019 và dự báo khí hậu 3 tháng VII, VIII và IX/2019 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

### **1. Miền Bắc**

- Tình hình khí tượng nông nghiệp trong tháng cơ bản thuận lợi cho thu hoạch lúa đông xuân và chuẩn bị gieo cấy lúa mùa do có nền nhiệt độ và số giờ nắng cao;

- Trong những tháng tiếp theo, có khả năng lượng mưa thấp hơn TBNN, nên cần có sự chuẩn bị để đảm bảo nước cho lúa mùa và các loại cây rau màu.

### **2. Miền Nam**

- Tập trung chăm sóc lúa hè thu đang trong giai đoạn đẻ nhánh;

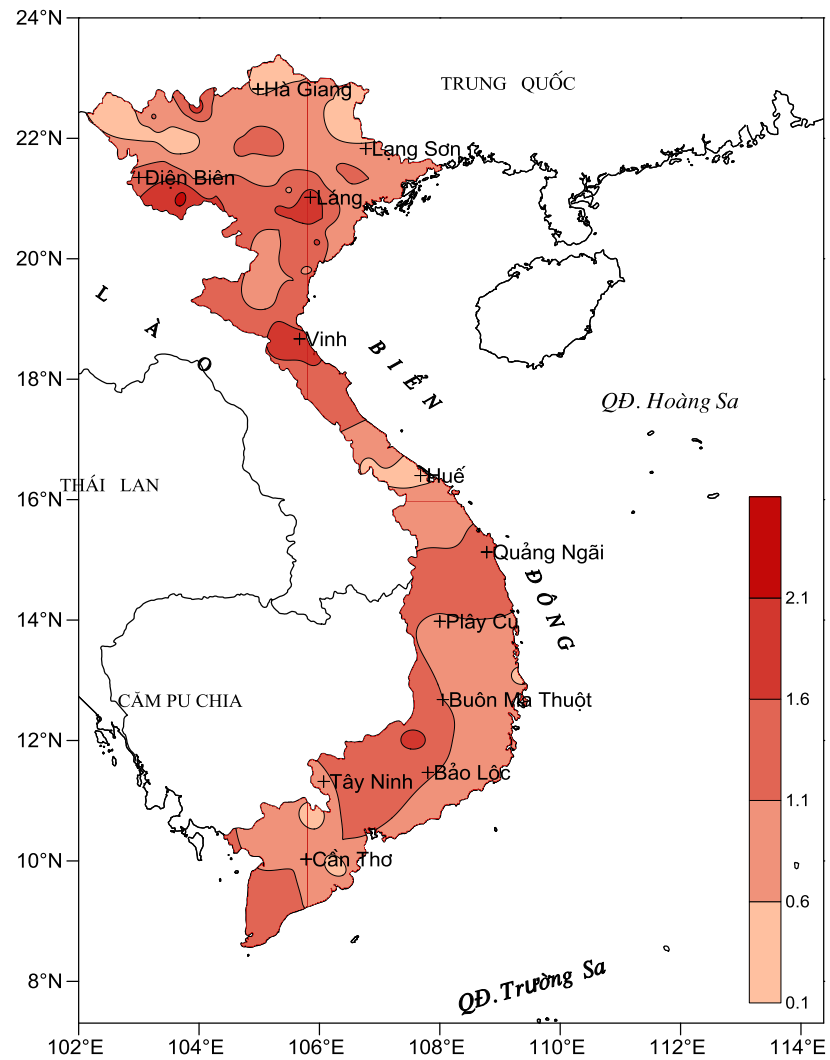
- Tích cực phòng trừ các loại sâu bệnh hại trên lúa và các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê.

## **V. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

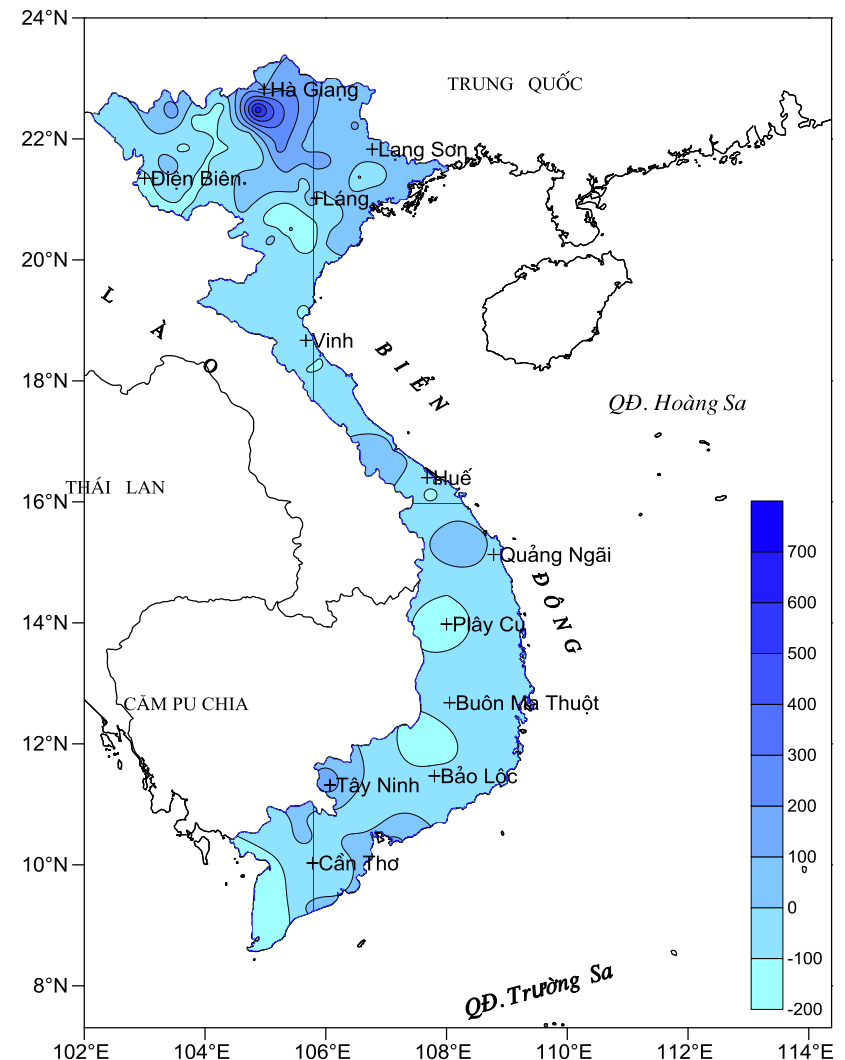
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng VII, VIII, IX năm 2019;

2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng VII năm 2019 các khu vực trên phạm vi cả nước;

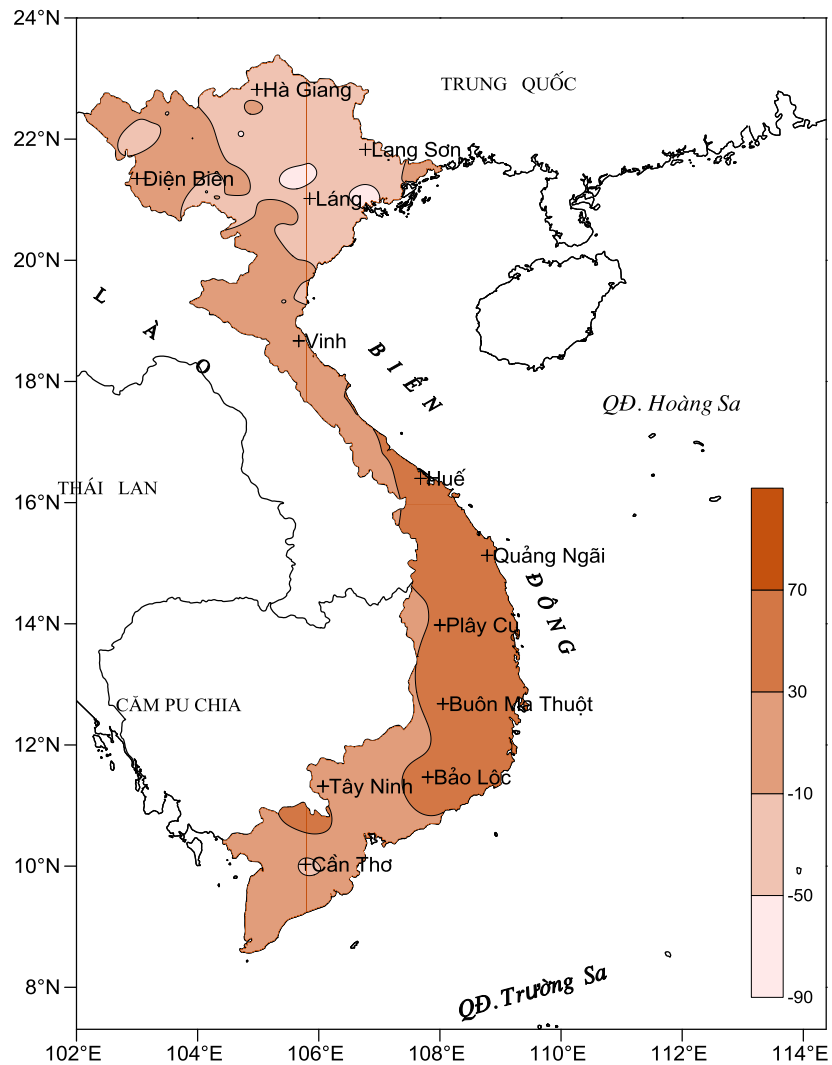
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng VI năm 2019 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



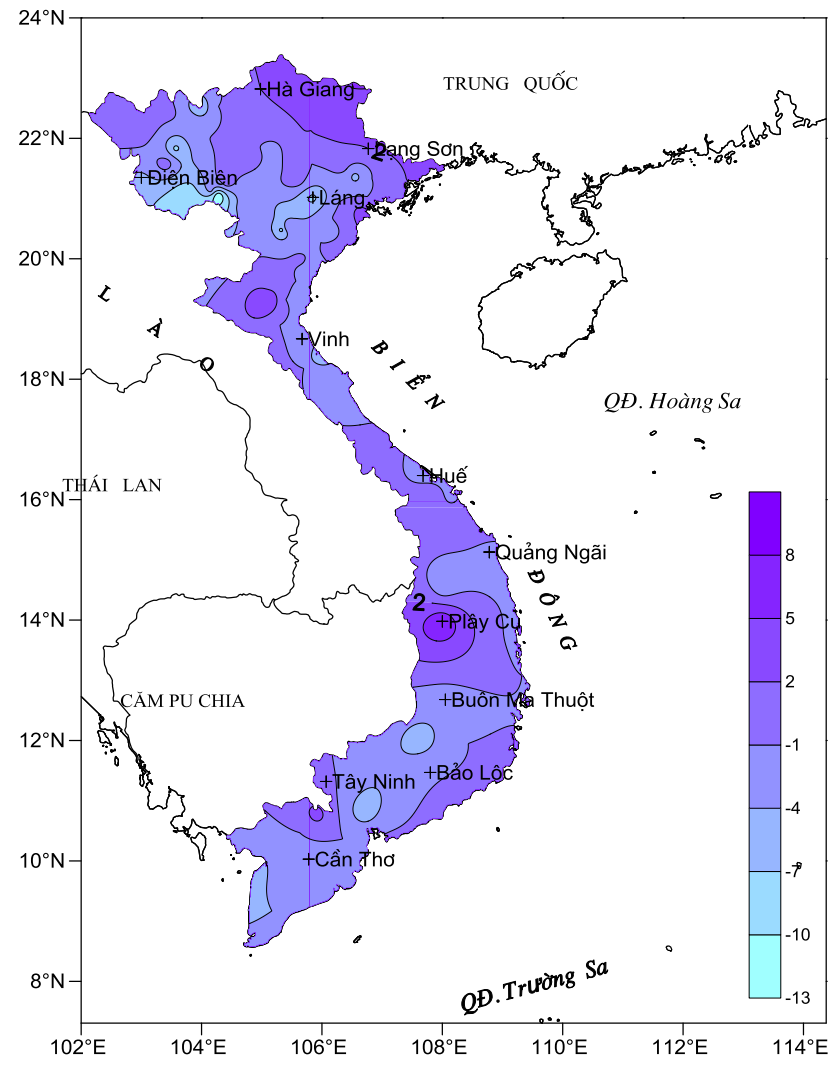
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng VI/2019 so với TBNN (°C)



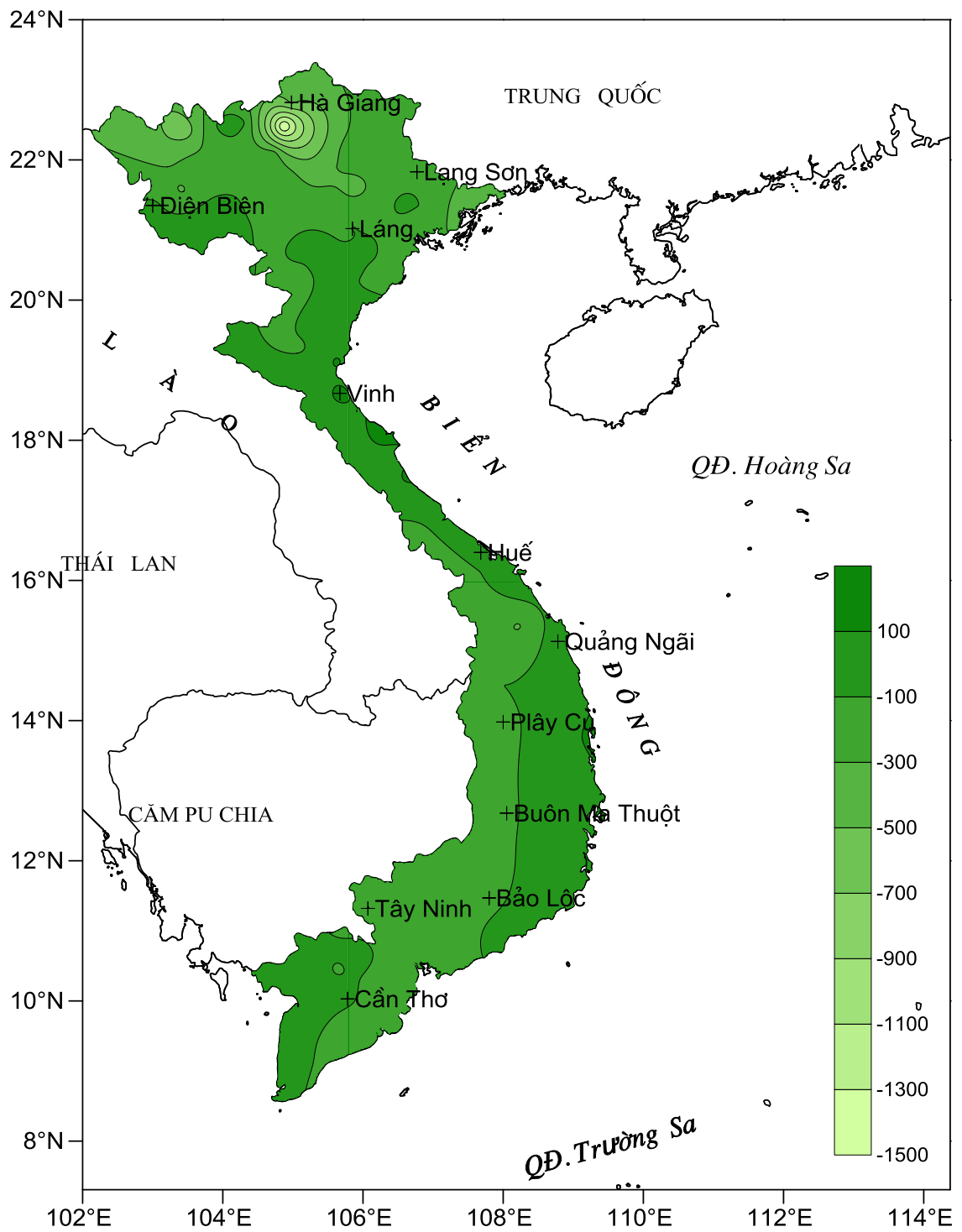
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng VI/2019 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng VI/2019 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng VI/2019 so với TBNN (%)



**Hình 14. Độ lệch của lượng bốc hơi so với lượng mưa tháng VI/2019 (mm)**